

# HỆ THỐNG ĐÀN MIẾU TẠI KINH ĐÔ HUẾ THỜI NGUYỄN

Phan Thanh Hải\*

## Đặt vấn đề

Trong quy hoạch tổng thể của kinh đô Huế đầu thời Nguyễn, hệ thống đàn miếu giữ một vị trí vô cùng quan trọng. Thời Nguyễn (1802-1945), Nho giáo được đưa lên vị trí quốc giáo để ổn định xã hội sau mấy trăm năm chia cắt, loạn lạc. Có thể nói, hệ thống đàn miếu do nhà nước xây dựng là biểu trưng cụ thể của tư tưởng tôn sùng Nho giáo. Cho đến nay, Huế cũng là nơi duy nhất còn bảo tồn được một hệ thống di tích thuộc dạng này một cách đầy đủ và phong phú nhất.

Theo quan niệm truyền thống của Nho giáo phương Đông, bậc Thiên tử cai trị thiên hạ bao giờ cũng phải thờ cúng 3 loại đối tượng: 1) Thờ Trời Đất (với ý nghĩa là cha mẹ của nhà vua vì vua là Thiên tử); 2) Thờ tổ tiên (những người có công sinh thành dưỡng dục nhà vua); và 3) Thờ các thần linh (những thế lực siêu nhiên bảo vệ, phò giúp nhà vua). Vì vậy, mỗi triều đại quân chủ sau khi được thành lập đều chú ý xây dựng đàn miếu để thờ cúng ba loại đối tượng này.

Theo thứ bậc về tầm quan trọng, triều Nguyễn xếp việc thờ cúng tế tự ở các miếu đàn thành 3 bậc: Đại tự, Trung tự và Quần tự. Theo sự phân loại này, thuộc bậc Đại tự gồm:

- Đàn Nam Giao.

- Liệt miếu: Gồm Nguyên Miếu và Tả Miếu ở Thanh Hóa; các miếu thờ tổ tại kinh đô Huế ở bên trong Hoàng Thành (Triệu Miếu, Thái Miếu, Hưng Miếu và Thế Miếu).

- Các biệt miếu của hoàng gia gồm: miếu Phụng Tiên (thờ các vị vua Nguyễn), cung Khánh Ninh (thờ vua Minh Mạng), cung Bảo Định (thờ vua Thiệu Trị) và miếu Cung Tôn (thờ vua Dục Đức).

- Đàn Xã Tắc.

Bậc Trung tự gồm:

- Miếu Lịch Đại Đế Vương.

- Văn Miếu (miếu Tiên Sư).

- Đàn Tiên Nông.

- Khải Thánh Từ.

Bậc Quần tự gồm cả ba loại hình miếu, đàn, từ, cụ thể là:

- Quần miếu: Võ Miếu, miếu Lê Thánh Tôn, miếu Đô Thành Hoàng, miếu Khai Quốc Công Thần, miếu Trung Hưng Công Thần, miếu Trung Tiết Công Thần, miếu Quốc Vương Chiêm Thành, miếu Quốc Vương Chân Lạp,

\* Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế.

miếu Hội Đồng, miếu Nam Hải Long Vương, miếu Hà Bá, miếu Phong Bá, miếu Vũ Sư, miếu Hỏa Thần, miếu Hỏa Pháo Thần...

- Quần từ (đền thờ): Gồm đền thờ các Sơn thần tại lăng các chúa và vua Nguyễn như Sơn thần núi Thiên Thụ, núi Khảo Vạn, núi Hưng Nghiệp, núi Hiếu Sơn, núi Thuận Đạo, núi Khiêm Sơn..., đền thờ Quan Công, đền Tiên Y, đền Hiền Lương, đền Trung Nghĩa, đền Thiên Phi, đền Thai Dương phu nhân, đền thờ núi Ngọc Trản, núi Thúy Vân, núi Hải Vân, đền thờ các cửa biển Thuận An, Tư Hiền, đền thờ các thần thần của triều Nguyễn như Anh Duệ Hoàng thái tử, Diên quốc công, Đức quốc công, v.v..

- Đàn tế: gồm đàn Ân Tự, đàn Sơn Xuyên, đàn Âm Hồn.

Tại kinh đô Huế, việc quy hoạch vị trí để xây dựng các đàn miếu được tính toán rất kỹ dựa trên các nguyên tắc về dịch học và phong thủy truyền thống. Theo các nguyên tắc này thì vị trí Hoàng Thành luôn nằm ở trung tâm, “tọa bắc diện nam” (ở Huế thì lệch qua trục tây bắc-đông nam nhưng vẫn tính là hướng bắc nam) để Thánh nhân “hướng minh nhi trị” (hướng về lẽ sáng để cai trị thiên hạ). Phía trước Hoàng Thành là miếu thờ Tổ và đàn Xã Tắc được bố trí theo nguyên tắc “tả Tổ, hữu Xã” nhưng có sự thay đổi khá đặc biệt (sẽ bàn ở sau). Còn về cơ bản, hệ thống đàn miếu được bố trí ở phía tây và tây nam kinh đô, chúng là yếu tố giúp giữ yên mặt tây của Kinh Thành và nối kết giữa phần dương cơ (Kinh Thành và các kiến trúc dành cho người đang sống ở phía đông) với thế giới âm phần (miền lăng tẩm) ở phía tây và tây nam.

Tư liệu về hệ thống đàn miếu thời Nguyễn khá phong phú, nhất là các tư liệu của triều Nguyễn như *Đại Nam thực lục*, *Đại Nam nhất thống chí*, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, *Châu bản*, *Minh Mạng chính yếu*... Ngay trong thời Pháp thuộc cũng có rất nhiều công trình khảo cứu về đàn miếu và các nghi lễ liên quan của các học giả người Pháp và người Việt, chủ yếu đăng tải trên tập san của Trường Viễn Đông Bác Cổ (BFEO), tập san của Hội Những Người Yêu Huế Cổ (BAVH). Từ sau năm 1945 đến nay đã có không ít nhà nghiên cứu tiếp tục công bố những kết quả khảo cứu về vấn đề này. Tuy vậy, ít có người nhìn nhận và nghiên cứu toàn bộ hệ thống di tích đàn miếu của triều Nguyễn như một hệ thống thống nhất, nhất là việc xác định vị trí, vai trò của chúng trong tổng thể quy hoạch của kinh đô Huế.

Trong bài viết dưới đây, kế thừa các thành quả nghiên cứu từ trước nhưng có chọn lọc, và hệ thống hóa, người viết sẽ trình bày một cách tổng quan về hệ thống đàn miếu của triều Nguyễn, những di tích biểu trưng cho tư tưởng Nho giáo Việt Nam thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX.

## **I. Hệ thống đàn miếu thuộc bậc Đại tự**

### **1. Đàn Nam Giao**

Là công trình tế tự quan trọng nhất, cũng là đàn tế được xây dựng quy mô nhất trong lịch sử Việt Nam. Đàn được vua Gia Long cho xây dựng vào năm 1806, trên đất làng Dương Xuân, huyện Hương Thủy, thẳng trên trục chính nam của Kinh Thành, cách kỳ đài 3km.<sup>(1)</sup> Đàn Nam Giao có bình diện

hình chữ nhật, dài 390m, rộng 265m, tổng diện tích hơn 20 mẫu (10ha), khuôn viên có vòng tường xây bằng đá núi cao 1,7m.<sup>(2)</sup> Cả 4 mặt nam, bắc, đông, tây xây tam quan kiểu 4 trụ biểu, bên ngoài đều có bình phong xây gạch che chắn. Các kiến trúc chính thuộc phạm vi đàn Nam Giao gồm đàn tế, Trai Cung, Thần Khố, Thần Trù, Tế Sinh Sở. Mỗi khi tế lễ thì dựng thêm một số nhà tạm như Hoàng Khung, Hoàng Ốc, Đại Thứ...



Không ảnh đàn Nam Giao

Đàn tế nằm ở vị trí trung tâm, gồm 3 tầng tượng trưng cho Tam tài (Thiên-Địa-Nhân), cao tổng cộng gần 5m.

Tầng trên cùng hình tròn, gọi là Viên Đàn, tượng trưng cho trời, đường kính 42m, cao 2,9m, chung quanh có lan can xây gạch, cao 0,8m, dày 0,3m, quét màu xanh. Mặt đàn chôn sẵn 28 viên đá tảng khoét lỗ để dựng nhà Thiên Khung mỗi khi tế lễ.

Tầng thứ hai hình vuông, gọi là Phương Đàn, tượng trưng cho đất, mỗi cạnh 83m, cao 1m, chung quanh có tường lan can cùng kiểu tầng trên nhưng quét màu vàng. Ở mặt phía nam có đặt sẵn 4 hàng đá tảng khoét lỗ để dựng nhà Hoàng Ốc khi tế lễ.

Tầng thứ ba cũng gọi là Phương Đàn, tượng trưng cho con người, hình vuông, mỗi cạnh 165m, cao 0,85m, có lan can quét màu đỏ.

Cả 3 tầng đàn tế đều trở hệ thống bậc cấp đi lên ở 4 hướng đông, tây, nam, bắc.

Trai Cung nằm ở góc tây nam đàn Nam Giao trong khuôn viên hình chữ nhật (85mx65m). Đây là nơi dành cho nhà vua trai giới và nghỉ ngơi trước và sau khi lên tế lễ. Trai Cung là một tổ hợp kiến trúc hoàn chỉnh, gồm điện chính, nhà Tả Túc, Hữu Túc, phòng Thượng Trà, sở Thượng Thiện. Cổng chính của Trai Cung hướng về phía nam, phía bắc còn có một cổng phụ.

Thần Khố, Thần Trù và Tế Sinh Sở nằm ở góc đông bắc đàn Nam Giao, có khuôn viên tường bao bọc. Thần Khố là nơi cất giữ đồ tự khí phục vụ tế lễ, Tế Sinh Sở là nơi giết mổ các con vật dùng để tế, còn Thần Trù là nơi chế biến thức ăn phục vụ tế lễ.

Về cách thức tế, như cấu trúc đàn đã phản ánh, đàn Nam Giao thời Nguyễn là nơi hợp tế cả 3 đối tượng Trời-Đất-Người. Vì vậy, nếu gọi chính xác theo công năng thì đây là *Thiên Địa Nhân Đàn* của triều Nguyễn. Công trình này có nhiều điểm khác biệt so với Thiên Đàn của Trung Quốc thời Minh-Thanh hiện còn ở Bắc Kinh.<sup>(3)</sup>

Dưới thời Nguyễn, lễ tế Giao được tổ chức vào mùa xuân (thường là tháng trọng xuân, tức tháng 2 âm lịch) hàng năm. Nhưng từ năm 1888 trở về sau, do điều kiện kinh phí eo hẹp nên triều Nguyễn quy định cứ 3 năm mới tổ chức tế một lần.

## **2. Liệt Miếu**

Không kể Nguyên Miếu, Tả Miếu xây dựng ở Gia Miêu ngoại trang, Hà Trung, Thanh Hóa (quê hương của họ Nguyễn), tại kinh đô Huế có 4 ngôi miếu thờ các đời chúa Nguyễn và vua Nguyễn được xếp vào hàng Liệt Miếu, đây cũng là những miếu thờ quan trọng nhất xét về tất cả các mặt.

Bốn tòa miếu chính của triều Nguyễn gồm Triệu Miếu (thờ Nguyễn Kim, thân sinh của Nguyễn Hoàng, vị chúa đầu tiên), Thái Miếu (thờ các đời chúa Nguyễn), Hưng Miếu (thờ Nguyễn Phúc Luân, thân sinh của Gia Long, vị vua đầu tiên) và Thế Miếu (thờ các đời vua Nguyễn). Bốn tòa miếu này được tổ hợp trong 2 cụm kiến trúc khép kín, bố trí đăng đối với nhau ở hai bên của phần ngoại triều theo nguyên tắc: bên tả thờ các chúa, bên hữu thờ các vua.

- Cụm Triệu Miếu-Thái Miếu tọa lạc ở góc đông nam Hoàng Thành, có tường gạch cao 3,5m bao bọc, bình diện hình chữ nhật, kích thước 160mx125m, diện tích 20.000m<sup>2</sup>. Tổng thể khu miếu này bố trí thành hai phần có tường ngăn cách: phía bắc là Triệu Miếu, phía nam là Thái Miếu.

+ Khu Triệu Miếu gồm tòa Triệu Miếu nằm ở trung tâm, kiểu “trùng thiềm điệp ốc”, chính điện 3 gian 2 chái kép, tiền điện 5 gian 2 chái đơn, diện tích gần 350m<sup>2</sup>, trong thờ ông Nguyễn Kim và phu nhân. Phía tây là tòa Thần Trù, nơi chuẩn bị đồ ăn, lễ phẩm mỗi khi tế lễ. Phía đông là Thần Khố, nơi cất giữ đồ tự khí. Ở tường ngăn với Thái Miếu trở hai cổng là Nguyên Chỉ và Trường Hựu.

+ Khu Thái Miếu gồm tòa Thái Miếu nằm ở trung tâm, kiểu “trùng thiềm điệp ốc”, chính điện 13 gian 2 chái kép, tiền điện 15 gian 2 chái đơn, diện tích hơn 1.500m<sup>2</sup>, bên trong thờ 9 đời chúa Nguyễn từ Nguyễn Hoàng đến Nguyễn Phúc Thuận. Bên đông của Thái Miếu có điện Long Đức và điện Chiêu Kính, bên tây có điện Mục Tư và tòa Phương Đường (thờ Thổ Công). Các tòa điện phụ này dùng để chuẩn bị đồ lễ vật mỗi khi tế lễ. Phía trước Thái Miếu, chính giữa có tòa Tuy Thành Các, 3 tầng, quy mô và cấu trúc tương tự Hiển Lâm Các bên khu Thế Miếu. Hai bên Tuy Thành Các có tường ngăn và trở hai cổng, bên trái là Diên Hy Môn, trên có lầu chuông, bên phải là Quang Hy Môn, trên có lầu trống. Phía ngoài tường ngăn này có hai tòa Đông Vu và Tây Vu, đều làm kiểu 5 gian, bên trong thờ các vị thân huân (bên trái) và công thần (bên phải) thời chúa Nguyễn. Trước mặt là cổng chính mang tên Miếu Môn, trên có cổ lầu. Ở tường bao toàn khu vực Triệu-Thái Miếu còn có 4 cửa khác, bên đông và bên tây là cổng Hiển Thừa và Túc Tướng; phía bắc có hai cổng là Diên Khánh và Tập Khánh. Thời Thành Thái, do khó khăn về kinh phí đã triệt giải Tuy Thành Các (tại vị trí này xây thành bức bình phong), đưa Quang Hy Môn ra thay cổng chính.

Đáng tiếc là phần lớn các công trình kiến trúc trong khu vực Triệu

Miếu-Thái Miếu đã xuống cấp hoặc bị hủy hoại trong chiến tranh, nhất là trong cơn binh hỏa đầu năm 1947. Hiện tại, trong khu vực này chỉ còn lại tòa Triệu Miếu, điện Long Đức, cổng Diên Hy, cổng chính... Trên nền tòa Thái Miếu cũ (bị đốt năm 1947) dòng họ Nguyễn Phúc tộc có dựng lên một công trình kiến trúc mới (năm 1972) để thờ tạm các chúa.

- Cụm di tích Hưng Miếu-Thế Miếu tọa lạc ở góc tây nam Hoàng Thành, đối xứng với cụm Triệu Miếu-Thái Miếu qua trục Dũng đạo. Quy mô, diện tích và cấu trúc của khu miếu này cũng gần tương tự phía đối diện (kích thước 157mx124m, diện tích 19.468m<sup>2</sup>), chỉ khác một số chi tiết về kiến trúc (xem bản vẽ mặt bằng tổng thể).

Tại khu vực này bao gồm các công trình sau:

+ Khu Hưng Miếu nằm ở phía bắc, chính giữa là tòa Hưng Miếu, một tòa nhà kép theo kiểu “trùng thiềm điệp ốc”, diện tích mặt nền 342m<sup>2</sup>, bên trong đặt án thờ ông Nguyễn Phúc Luân và phu nhân. Phía tây Hưng Miếu là tòa Thần Trù, phía đông là tòa Thần Khố. Giữa Hưng Miếu và hai tòa nhà hai bên đều có tường ngăn, giữa tường trở cổng, bên tây là Dục Khánh Môn, bên đông là Chương Khánh Môn. Tường phía bắc có 2 cửa là Trí Tường Môn và Ứng Tường Môn. Giữa tường ngăn với Thế Miếu có hai cửa là Đốc Hựu Môn và Hiển Hựu Môn.

+ Khu Thế Miếu nằm ở phía nam, trung tâm là tòa Thế Miếu, diện tích mặt bằng 1.507m<sup>2</sup>, trong thờ các đời vua Nguyễn cùng hoàng hậu. Phía tây Thế Miếu có tòa Thổ Công Từ, nơi thờ Thổ Công. Phía đông có điện Canh Y, là nơi vua thay trang phục khi lên tế lễ. Phía nam Thế Miếu, chính giữa là tòa Hiển Lâm Các, 3 tầng, cao gần 15m, quy mô và cấu trúc tương tự như tòa Tuy Thành Các ở Thái Miếu. Phía trước Hiển Lâm Các đặt bộ Cửu Đỉnh (đúc năm 1835-1836, thời Minh Mạng). Hai bên Hiển Lâm Các có tường ngăn, giữa trở hai cổng, trên là vọng lâu để đặt chuông và trống. Bên tây là Sùng Công Môn, trên có lầu trống. Bên đông là Tuấn Liệt Môn, trên có lầu chuông. Phía ngoài tường ngăn, bên tây có tòa Hữu Tòng Tự, kiểu nhà 5 gian không chái, trong thờ các công thần thuộc bách tính của triều Nguyễn. Bên đông là Tả Tòng Tự, cùng



Lễ tế tại Thái Miếu năm 1923 (tranh vẽ). Nguồn: Trịnh Bách.

kiểu 5 gian, trong thờ các công thần thuộc hoàng tộc. Phía trước miếu trở một cổng là Miếu Môn, kiểu tam quan, xây hoàn toàn bằng gạch. Bên tường bao phía tây và phía đông có hai cửa là Sùng Thành Môn và Khải Định Môn.

Hiện nay phần lớn các công trình kiến trúc tại khu vực Hưng Miếu-Thế Miếu vẫn còn được bảo tồn tương đối tốt.

### 3. Các biệt miếu của hoàng gia

### *- Miếu Phụng Tiên*

Đây là tòa miếu thứ 5 của triều Nguyễn nằm trong Hoàng Thành, tuy nhiên nó lại là một biệt miếu của hoàng gia, nơi phụ nữ trong hoàng tộc có thể tham dự mỗi khi tế lễ.

Miếu nằm ở phía bắc khu Hưng Miếu-Thế Miếu, chung quanh có tường bao bọc, bình diện hình chữ nhật, kích thước 122,3mx71,5m, diện tích 8.744m<sup>2</sup>. Cung có 5 cổng: mặt trước là tam quan xây gạch, hai mặt đông, tây không trở cửa, mặt sau có 4 cổng, đều là kiểu cổng đơn xây gạch.

Chính giữa cung là điện Phụng Tiên, kiểu “trùng thiềm điệp ốc”, chính điện 9 gian 2 chái kép, tiền điện 11 gian 2 chái đơn, bên trong thờ các đời vua Nguyễn từ Gia Long đến Tự Đức. Trong điện cũng là nơi trưng bày những báu vật của triều Nguyễn như kim ấn, ngọc tỷ cùng một số hiện vật gắn bó với cuộc đời và sự nghiệp của các vị vua đầu triều.

Hai bên điện chính, cách qua tường ngăn có Tả, Hữu Phối Điện, đều 5 gian (về sau triệt giải, dựng thành hai ngôi nhà vuông). Phía trước điện có ao nhỏ, trong đắp non bộ; phía ngoài có bức bình phong che chắn.

Ở giai đoạn sau người ta dựng thêm hai ngôi đình hình vuông ở hai bên phía trước điện chính làm nơi canh trực, đón khách.

Ngoại trừ miếu Phụng Tiên là một biệt miếu đúng nghĩa, các miếu còn lại dưới đây ban đầu đều là những biệt cung, biệt phủ, sau khi nhà vua băng hà mới chuyển thành miếu thờ riêng.

### *- Cung Khánh Ninh*

Đây vốn là cung điện riêng của vua Minh Mạng, nằm ngoài Hoàng Thành nhưng vẫn bên trong Kinh Thành. Trong giai đoạn đầu thời Nguyễn, dọc theo sông Ngự Hà chảy bên trong Kinh Thành, triều đình đã cho xây dựng khá nhiều biệt cung, vườn ngự để phục vụ nhu cầu giải trí nghỉ ngơi của nhà vua và hoàng gia. Cung Khánh Ninh được xây dựng năm 1825, nằm ở bờ bắc sông Ngự Hà (đối diện với cầu Khánh Ninh hiện vẫn còn). Cung có vòng tường thành bao bọc, mặt nam có cửa tam quan hướng ra bờ sông. Bên ngoài lại xây 3 ngôi đình nhỏ làm nơi hóng mát. Bên trong, chính giữa là điện Hiếu Tư, cấu trúc kiểu “trùng thiềm điệp ốc” nhưng có đến 3 nóc mái, đều lợp ngói lưu ly vàng. Chính điện 5 gian 2 chái kép, tiền điện và hậu điện đều 7 gian 2 chái đơn. Bao quanh điện có tường ngăn, trở nhiều cổng cả về 4 phía. Hai bên đông tây điện ngoài tường ngăn có hai điện phụ là Tả Phối Điện và Hữu Phối Điện, đều làm 5 gian, lợp ngói lưu ly xanh. Cấu trúc của cung khá giống miếu Phụng Tiên.

Khi vua Minh Mạng còn tại thế, mỗi khi đến cung Khánh Ninh thì vua nghỉ ở điện Hiếu Tư, các công trình còn lại dành cho quan viên, người hầu và cung phi đi theo. Từ đầu năm 1841, sau khi nhà vua băng hà, điện Hiếu Tư trở thành nơi quản tạm quan tài nhà vua (trong khi đợi xây lăng), sau đó trở thành nơi thờ riêng vị vua này. Năm 1885, cung bị quân Pháp chiếm đóng, đến năm 1887, triều Nguyễn cho triệt giải.

### *- Cung Bảo Định*

Là cung điện riêng của vua Thiệu Trị, xây dựng năm 1845 ở phía tây cung Khánh Ninh, giáp sông Ngự Hà. Cung có khuôn viên hình chữ nhật, cửa chính kiểu tam quan, mái cổ lầu, lợp ngói lưu ly vàng. Bên trong điện chính là điện Long An, kiểu “trùng thiềm điệp ốc”, chính điện 5 gian 2 chái kép, tiền điện 7 gian 2 chái đơn, mái lợp ngói lưu ly vàng, diện tích mặt nền gần 1.000m<sup>2</sup>, nền cao gần 1,3m. Ngoài điện chính, trong cung có khá nhiều công trình kiến trúc khác như Đông Minh Vu, Tây Thành Sương (điện phụ ở 2 bên), hành lang Lãm Thắng, Minh Trưng Các, Đạo Thống Hiên (sau đổi là Đạo Tâm Hiên), Chiêm Ân Viện, Nhuận Đức Viện, Trùng Phương Tạ (trên ao Giao Thái), Thiệu Khánh Đường... Sau khi vua Thiệu Trị băng hà, cung Bảo Định trở thành biệt miếu để thờ vị vua này. Sau năm 1885, cung bị triệt giải dần. Năm 1908, triều Nguyễn cho dời điện Long An về làm thư viện cho trường Quốc Tử Giám (từ năm 1923 trở thành Bảo tàng Khải Định), dời Đạo Tâm Hiên và Minh Trưng Các về làm thành tòa Di Luân Đường (giảng đường chính của Quốc Tử Giám).

#### *- Miếu Cung Tôn*

Đây vốn là biệt phủ của Hoàng tử Nguyễn Phúc Ứng Chân, tên gọi là Dục Đức Đường, tọa lạc ở phía tây bắc ngoài Hoàng Thành, sát bờ hồ Tân Miếu. Năm 1883, Hoàng tử Ứng Chân được đặt lên ngôi sau khi vua Tự Đức băng hà, tuy nhiên ông chỉ làm vua được 3 ngày và chưa kịp đặt niên hiệu thì đã bị phế truất, sau đó chết trong ngục. Từ năm 1891, triều Thành Thái đã dùng Dục Đức Đường làm miếu thờ riêng vị vua xấu số, gọi là Tân Miếu. Năm 1897, vua Thành Thái truy tôn cha mình là Cung Tông Huệ Hoàng đế và đổi tên miếu là Cung Tông Miếu (do húy chữ Tông, tên vua Thiệu Trị nên vẫn đọc là Cung Tôn Miếu). Miếu gồm một tòa nhà kép đặt ở giữa, trước có hai nhà Túc Gia, sau có nhà Tòng Viện. Quanh miếu có tường gạch bao bọc, trở 4 cửa, cửa chính ở phía nam, làm kiểu tam quan, trên có lầu. Về sau, bài vị vua Dục Đức và hoàng hậu được đưa về thờ ở An Lăng. Tân Miếu cũng không còn lý do để tồn tại. Năm 1916, miếu bị triệt giải.

#### **4. Đàn Xã Tắc**

Đàn Xã Tắc được xây dựng từ cuối mùa xuân năm 1806, sau khi vua Gia Long quy hoạch lại toàn bộ Kinh Thành trên đất của 8 làng ở bờ bắc sông Hương. Đàn nằm ở phía tây của hoàng cung, đúng theo nguyên tắc “tả Tổ, hữu Xã” (bên trái thờ Tổ, bên phải thờ Xã Tắc) của thành trì phương Đông truyền thống.

Do ý nghĩa và tính chất đặc biệt quan trọng của công trình - Xã Tắc tượng trưng cho tổ quốc - nên triều đình đã buộc cả 28 dinh trấn trong nước nộp đất sạch về để đắp đàn; nhiều nhất là dinh Quảng Đức đóng 100 khiêng, ít nhất là trấn Thuận Thành đóng 1 khiêng, còn phần lớn các trấn đều đóng 50 khiêng. Các nơi đều dùng thuyền chở đất về kinh đô để đắp đàn tế.

Sau khi xây dựng xong, đàn Xã Tắc có quy mô khá lớn, kết cấu gồm 2 tầng, đều hình vuông. Tầng thứ nhất cao 1,7m, mỗi cạnh 30m; mặt nền đàn tô 5 màu theo ngũ phương: ở trung tâm là màu vàng, hướng đông màu xanh, hướng tây màu trắng, hướng nam màu đỏ, hướng bắc màu đen. Chính giữa tầng này có 32 chân tảng bằng đá khoét lỗ ở giữa để cắm tàn lọng mỗi khi

tế lễ. Bốn phía xây bậc cấp để lên đàn: bên phía bắc có 11 bậc; các bên ở phía đông, tây, nam đều có 7 bậc. Ở chính giữa tầng 1 đặt án thờ Thái Xả thần vị ở bên phải và Thái Tắc thần vị ở bên trái. Ngoài ra ở bên phải của tầng 1 còn thờ thêm Hậu Thổ Câu Long thị và phía trái thờ Hậu Tắc thị. Hai bàn thờ Thái Xả và Thái Tắc đặt đối diện nhau.

Tầng thứ 2 cao 1,2m, mỗi cạnh 74m. Mặt trước của nền gạch có 2 chân đá tảng để cấm tàn lọng; bốn bên đều có bậc cấp bước lên, mỗi bên có 5 bậc xây bằng đá.

Cả 2 tầng đều có xây lan can bao bọc bằng gạch, cao đều 90cm. Tầng thứ nhất tô màu vàng. Tầng thứ 2 tô màu đỏ.

Đàn Xả Tắc được đặt trong một khuôn viên hình chữ nhật, rộng hơn 3,6ha (214mx172m); phía trước mặt (phía bắc) lại có hồ lớn làm minh đường.

Theo quy định, dưới thời Gia Long, vào các năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu vua “ngự giá” làm lễ tế đàn Xả Tắc, những năm còn lại các ban đại thần thay nhau thực hiện công việc này. Từ thời Minh Mạng trở đi, triều đình tổ chức cúng tế đàn Xả Tắc 2 lần trong một năm, vào tháng 2 và tháng 8 âm lịch. Các vua Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức đều thân hành đến làm chủ lễ ở đàn Xả Tắc. Dưới thời các vị vua kế tiếp, việc cúng tế ở đàn Xả Tắc vẫn được duy trì cho đến khi nhà Nguyễn cáo chung (1945). Sau năm 1975, đàn Xả Tắc trở thành một phế tích, gần đây đàn đã được trùng tu lại tầng trên và một phần tầng thứ hai.

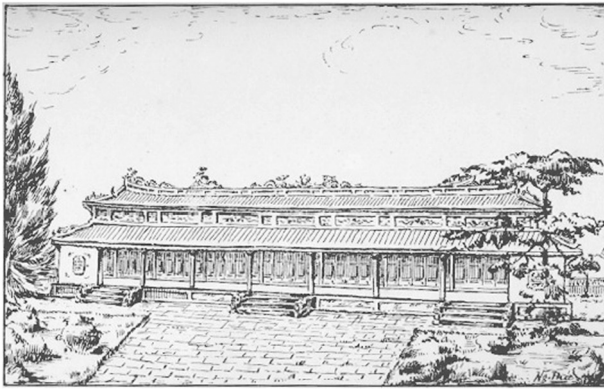
## **II. Hệ thống đàn miếu thuộc bậc Trung tự**

### **1. Miếu Lịch Đại Đế Vương**

Đây là miếu thờ các vị đế vương tiêu biểu qua các thời. Miếu được dựng năm Minh Mạng 4 (1823) ở địa phận xã Dương Xuân, phía nam, bên ngoài Kinh Thành (nay thuộc xóm Lịch Đại, phường Phường Đúc, thành phố Huế).

Miếu chính làm kiểu nhà kép “trùng thiềm điệp ốc”, đặt trên nền cao gần 90cm, chính đường 5 gian 2 chái kép, tiền đường 7 gian 2 chái đơn, mái lợp ngói âm dương, bờ mái, bờ nóc trang trí rồng. Hai bên miếu là nhà Tả, Hữu Vu, đều 5 gian, mái lợp ngói âm dương. Quanh miếu có khuôn viên tường gạch bao bọc. Cổng chính ở mặt nam xây kiểu tam quan, mái lợp ngói âm dương. Hai bên tường đông, tây mỗi bên còn trở một cổng. Ra khỏi cổng chính lại có một cổng phượng môn kiểu tam quan xây bằng gạch. Biển ngạch cửa phượng đề các câu chữ Hán thể hiện lòng biết ơn đối với các đời vua trước đã có công gây dựng nên lịch sử. Bên trong miếu chính, gian giữa thờ bài vị Tam Hoàng-Ngũ Đế và Chu Văn, Chu Võ của Trung Quốc và 5 hoàng đế khai sáng của Việt Nam (Kinh Dương Vương, Lạc Long Quân, Hùng Vương, Sĩ Nhiếp và Đinh Tiên Hoàng). Gian thứ nhất bên phải thờ Lê Đại Hành và 3 vị vua triều Lý (Thái Tổ, Thánh Tôn, Nhân Tôn). Các gian tiếp theo thờ các vua nhà Trần, nhà Lê, Tả Vu và Hữu Vu thờ các vị danh thần của Trung Quốc và Việt Nam qua các đời.

Bên ngoài miếu, ở phía bắc có nhà Tế Sinh 3 gian. Thời Nguyễn, miếu



Miếu Lịch Đại Đế Vương



Văn Miếu

được triều đình hết sức quan tâm tu bổ (lễ tế ở miếu được tổ chức mỗi năm 2 lần vào tháng 2 và tháng 8 âm lịch. Những năm có lễ lớn thì đích thân vua làm chủ tế, còn lại là do hoàng tử chủ tế). Nhưng trải qua thời gian và sự tàn phá của chiến tranh, ngày nay miếu Lịch Đại Đế Vương đã bị hủy hoại hoàn toàn.

## 2. Văn Miếu

Tức Văn Thánh Miếu, nơi thờ Khổng Tử và các vị Tiên Hiền, Tiên Nho tại kinh đô, còn gọi là Tiên Sư Miếu. Đây là miếu thờ quan trọng nhất của các triều đại quân chủ theo tư tưởng Nho giáo.

Sau khi triều Nguyễn được thành lập, Nho giáo được triều đại này hết sức tôn sùng. Năm 1808, Văn Miếu quốc gia được lập ở làng An Ninh (nay thuộc xã Hương Hồ, huyện Hương Trà).<sup>(4)</sup>

Văn Miếu Huế nằm trên một quả đồi khá cao sát bờ sông Hương, mặt hướng về phía nam. Sau lưng miếu là đồi núi, trước mặt là sông Hương, xa xa là dãy Trường Sơn uốn lượn như ôm ấp, che chở. Bình diện Văn Miếu gần như hình vuông (160mx160m), chung quanh có vòng tường gạch cao gần 2m bao bọc. Trước mặt miếu là bến sông được kè đá để chống xói lở, tiếp đó là cổng Linh Tinh rồi cổng Văn Miếu (Văn Miếu Môn). Qua cổng Văn Miếu, hai bên có hai tòa nhà là Hữu Văn Đường (tên ban đầu là Sùng Văn Đường) và Dị Lễ Đường. Hai tòa nhà này đều kết cấu kiểu 1 gian 2 chái, mái lợp ngói âm dương.

Tầng sân thứ hai của Văn Miếu nằm cao hơn tầng sân thứ nhất chừng 2m và cũng có tường gạch bao bọc. Cổng chính phía nam là Đại Thành Môn, xây hoàn toàn bằng gạch, vôi vữa, cổng nối xuống tầng sân dưới bằng 15 bậc cấp. Sau cổng Đại Thành là hai dãy nhà bia dài đặt ở hai bên che chắn cho 32 tấm bia đá khắc tên tuổi 293 vị tiến sĩ thi đỗ trong 39 kỳ thi Hội, thi Đình tổ chức dưới triều Nguyễn.<sup>(5)</sup> Bia bằng đá thanh, đá cẩm thạch đặt trên lưng rùa đá có cùng loại chất liệu. Cả bia và rùa đá đều được chạm trổ công phu theo phong cách truyền thống Huế.

Phía bắc của hai dãy bia lại có hai tòa bi đình xây gạch che cho 2 tấm bia bằng đá thanh khá lớn. Bia bên trái khắc bài dụ của vua Minh Mạng viết năm 1836, nội dung nghiêm cấm thái giám trong nội cung tham gia chính

sự. Bia bên phải khắc bài dụ của vua Thiệu Trị, viết năm 1844 với nội dung ngăn chặn những người thuộc họ ngoại của nhà vua nắm quyền triều chính.

Phía sau hai nhà bia, nằm trên trục trung tâm nguyên là điện Đại Thành, ngôi điện chính của Văn Miếu. Điện là một tòa nhà kép, chính đường 5 gian 2 chái kép, tiền đường 7 gian 2 chái đơn. Bên trong điện, án chính giữa thờ bài vị Khổng Tử, người được tôn là ông tổ của đạo Nho. Bốn khám thờ đặt ở hai bên thờ bài vị Tứ phối là Nhan Tử, Tăng Tử, Tử Tư, Mạnh Tử. Các án ở phía đông và phía tây thờ bài vị của Thập nhị triết. 72 vị Tiên Hiền, Tiên Nho thì được thờ ở Tả Vu, Hữu Vu, hai tòa nhà nguyên nằm hai bên trước sân điện Đại Thành.

Ở hai bên tường của tầng sân trên trở hai cổng, bên đông là cổng Kim Thanh, bên tây là cổng Ngọc Chấn. Ở tầng sân dưới nguyên xưa còn có các tòa Thần Khố, Thần Trù, nhà thờ Thổ Công... Phía trước cổng Văn Miếu, hai bên đều có bia “khuyh cái hạ mã” và mỗi bên có 2 trụ biểu báo hiệu di tích.

Trải qua thời gian và các biến động lịch sử, Văn Miếu bị tàn phá khá nặng nề. Các công trình kiến trúc chính của miếu như điện Đại Thành, Tả Vu, Hữu Vu, Hữu Văn Đường, Dị Lễ Đường... đều bị hủy hoại. Hiện nay, Văn Miếu đã được trùng tu phần cổng chính, nhà che hai dãy bia tiến sĩ và phần tường bao.

### **3. Khải Thánh Từ**

Đền Khải Thánh là nơi thờ thân phụ của Khổng Tử, người có công sáng lập ra đạo Nho. Thời Nguyễn, tại hầu hết các tỉnh, thành đều có lập Văn Miếu để thờ Khổng Tử và các vị Tiên Hiền, Tiên Nho. Riêng ở kinh đô, ngoài việc lập Văn Miếu, triều Nguyễn còn dựng Khải Thánh Từ để thờ thân phụ Khổng Tử. Đền thờ này nằm ở phía tây Văn Miếu, thuộc địa phận làng Long Hồ (nay là xã Hương Hồ, huyện Hương Trà), ngay trên nền của Văn Miếu thời chúa Nguyễn. Đền Khải Thánh được dựng từ năm Gia Long 7 (1808). Tổng thể kiến trúc gồm một tòa miếu chính theo lối nhà kép, trước sau đều 5 gian, hai bên có nhà Tả Vu và Hữu Vu, phía trước là cửa Nghi Môn. Trong tòa miếu chính, bài vị Khải Thánh Công (tức ông Thúc Luông Ngột, người sinh ra Khổng Tử) được thờ ở án chính giữa. Bốn vị được thờ phối theo ở hai bên là Nhan Võ Do, Tăng Điểm, Khổng Lý và Mạnh Tôn Thị. Ngoài ra có 4 vị nữa được thờ phụ là Chu Phụ Hành, Trình Hưởng, Trương Dịch và Châu Tùng. Lễ tế ở đền Khải Thánh được tổ chức hàng năm, vào ngày Đinh theo với ngày tế ở Văn Miếu.

Hiện nay, toàn bộ khu miếu thờ chính của đền Khải Thánh đã bị phá hủy hoàn toàn. Dấu tích còn lại duy nhất tại khu vực này là chiếc cổng chính phía nam của đền.

### **4. Đàn Tiên Nông**

Đàn Tiên Nông là di tích đàn tế thời Nguyễn, nay đã trở thành phế tích. Đàn Tiên Nông là nơi cử hành lễ tế Thần Nông.<sup>(6)</sup>

Đàn Tiên Nông thời Nguyễn được xây dựng năm Minh Mạng thứ 9 (1828) ở phía tây bắc bên trong Kinh Thành, thuộc khuôn viên của ruộng

Tịch Điền (nay thuộc địa phận phường Tây Lộc, thành phố Huế). Đàn có hình vuông, một tầng, cao gần 2m (4 thước 5 tấc), mỗi cạnh dài 18m. Đàn xoay mặt về hướng nam. Phía trước đàn xây gạch, mặt đàn đặt các đá tảng để cấm tàn lọng mỗi khi tế, 4 phía đi xuống đều xây 9 bậc cấp. Phía tây bắc đàn có Thần Trù (nhà bếp) và Thần Khố (nhà kho chứa đồ). Phía đông bắc có Thần Thương (kho chứa lúa). Phía đông đàn có đài quan canh, phía nam là ruộng Tịch Điền.

Thời Nguyễn, lễ tế ở đàn Tiên Nông được tổ chức hàng năm vào trung tuần tháng 5 âm lịch, cùng với ngày tổ chức cày ruộng Tịch Điền.

### **III. Hệ thống miếu đàn thuộc hàng Quân tự**

#### **1. Quân miếu**

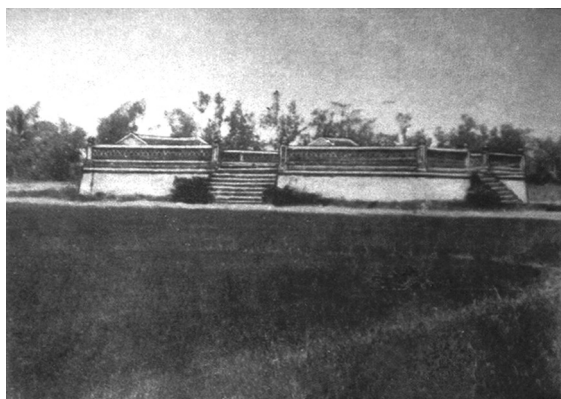
##### **1.1. Đô Thành Hoàng Miếu**

Miếu được xây từ đầu thời Gia Long tại địa phận phường Vệ Quốc ở góc tây nam trong Kinh Thành (nay là vị trí Trường Mẫu giáo Thuận Hòa, phường Thuận Hòa, thành phố Huế) để thờ Thành Hoàng của kinh đô. Ban đầu, triều Nguyễn còn đưa các vị Thành Hoàng từ Nghệ An trở ra bắc và từ Quảng Bình trở vào nam về thờ phụ ở đây, nhưng về sau bỏ. Năm 1821, miếu được trùng tu nâng cấp, quy mô của miếu trở nên to lớn, khang trang. Khu miếu gồm một tòa điện chính ở giữa, dựng theo lối nhà kép, chính điện, tiền điện đều 3 gian. Hai bên là hai nhà Tả Tòng Tự và Hữu Tòng Tự, đều 5 gian. Phía trước là một khoảnh sân lát gạch. Đối diện với điện chính là một tòa lầu, hai tầng đều 3 gian. Ngoài cùng là cổng miếu. Chung quanh miếu có vòng tường bao bọc. Phía trước cổng lại xây hai đoạn lan can để dẫn vào miếu.

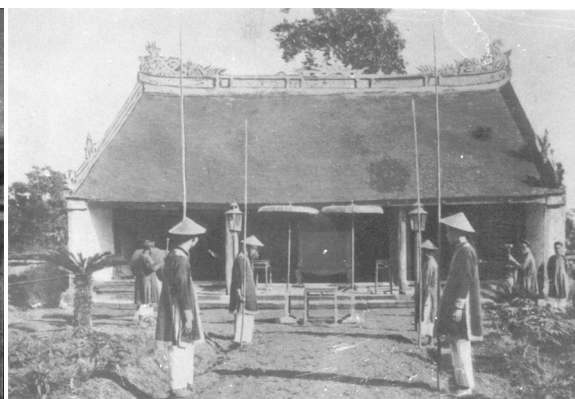
Dưới thời Nguyễn, lễ tế ở miếu Đô Thành Hoàng do triều đình tổ chức hàng năm vào ngày Canh sau ngày tế tại đàn Xã Tắc. Hiện nay miếu Đô Thành Hoàng đã bị xuống cấp trầm trọng.

##### **1.2. Khai Quốc Công Thần Miếu**

Miếu là nơi thờ các vị khai quốc công thần thời chúa Nguyễn tọa lạc tại



Đàn Tiên Nông, ảnh chụp năm 1910.



Miếu Đô Thành Hoàng

thôn Vi Dã (Vỹ Dạ). Nguyên thời Gia Long chưa có miếu, mỗi khi tế phải đặt tạm đàn tế ở bên trái miếu Trung Hưng Công Thần. Năm 1820, triều Nguyễn cho dựng miếu Khai Quốc Công Thần ở bên trái phía sau miếu Trung Hưng Công Thần với quy mô tương tự như tòa miếu này. Chính đường, tiền đường đều 7 gian. Bên trong thờ bài vị của 4 vị là Đào Duy Từ, Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Hữu Dật và Nguyễn Hữu Cảnh. Lễ tế ở miếu tổ chức mỗi năm 2 lần vào mùa xuân và mùa thu.

Năm 1890, miếu bị triệt giải và gộp chung với miếu Trung Hưng Công Thần. Sau khi triều Nguyễn cáo chung, miếu bị bỏ phế và đến nay đã bị hủy hoại hoàn toàn.

### 1.3. Lê Thánh Tôn Miếu<sup>(7)</sup>

Miếu tọa lạc ở phía đông miếu Lịch Đại Đế Vương, trên địa phận làng Dương Xuân (nay thuộc xóm Lịch Đới, phường Phường Đúc, thành phố Huế). Nguyên từ thời chúa Nguyễn đã dựng miếu thờ Lê Thánh Tôn nhưng sau do chiến tranh bị bỏ phế. Năm Gia Long thứ 8 (1809), triều Nguyễn cho dựng lại ở vị trí này. Miếu có khuôn viên tường gạch bao quanh, cổng vòm trở mặt trước. Kiến trúc miếu kiểu nhà rường, chính đường, tiền đường đều 3 gian. Lễ tế tại miếu do triều đình tổ chức mỗi năm hai lần vào tháng 2 và tháng 8 âm lịch.

Sau khi triều Nguyễn sụp đổ, miếu thờ Lê Thánh Tôn cũng bị bỏ hoang. Đến nay miếu đã hoàn toàn bị hủy hoại.

### 1.4. Võ Miếu

Miếu thờ các vị võ tướng danh tiếng trong lịch sử Trung Quốc và Việt Nam, dựng năm 1835 ở phía đông Văn Miếu, phía tây chùa Thiên Mụ (nay thuộc địa phận xã Hương Hồ, huyện Hương Trà). Giống như Văn Miếu, Võ Miếu xây mặt ra phía sông Hương, hướng nam. Chung quanh miếu có tường gạch bao bọc. Cổng chính của miếu đặt ở phía nam, hình thức tương tự cổng Văn Miếu. Miếu chính là một tòa nhà kép, chính đường 3 gian 2 chái đơn, tiền đường 5 gian 2 chái kép. Hai bên phía trước là Tả Vu và Hữu Vu, đều 5 gian. Bên trong miếu chính, án chính giữa thờ Khương Tử Nha, phía đông thờ 6 vị: Quán Trọng, Tôn Võ Tử, Hàn Tín, Lý Tĩnh, Lý Thành, Lý Đạt, phía tây thờ 5 vị: Điền Nhượng Thư, Trương Lương, Gia Cát Lượng, Quách Tử Nghi và Nhạc Phi, tất cả đều là các danh thần của Trung Quốc. Tả Vu thờ Trần Quốc Tuấn đời Trần và Nguyễn Hữu Tiến, Tôn Thất Hội (thời chúa Nguyễn); Hữu Vu thờ Lê Khôi đời Lê và Nguyễn Hữu Dật (thời chúa Nguyễn), Nguyễn Văn Trương (thời Nguyễn Ánh).

Trên sân miếu đặt 3 tấm bia võ công lớn dựng năm Minh Mạng 17 (1836) và Tự Đức 2 (1849). Đó là bia Võ công bi ký (giữa), Võ công tả bi (trái) và Võ công hữu bi (phải). Cả 3 bia đều đặt trên bệ hình khối chữ nhật có chạm khắc công phu, chất liệu bằng đá thanh. Nội dung bia ghi chép các võ công hiển hách nhất của triều Nguyễn và chọn 10 vị võ tướng vào bia. Bia Võ công tả bi ghi chép tên họ, quê quán, chức tước và công trạng của 5 vị

tướng là Trương Minh Giảng (người Gia Định), Phạm Hữu Tâm (người Thừa Thiên), Tạ Quang Cơ (người Thừa Thiên), Phan Văn Thúy (người Quảng Trị) và Mai Công Ngôn (người Thừa Thiên). Bia Võ công hữu bi cũng ghi với nội dung tương tự cho 5 vị tướng: Nguyễn Xuân (người Thanh Hóa), Phạm Văn Điển (người Thừa Thiên), Lê Văn Đức (người Vĩnh Long), Trần Văn Trí (người Gia Định) và Tôn Thất Bật (người Thừa Thiên). Năm 1854, do bị quy kết vào tội “dự mưu” trong cuộc chính biến của Hồng Bảo (anh trai vua Tự Đức), Tôn Thất Bật đã bị đục tên.

Phía trước các bia võ công là hai tấm bia tiến sĩ đặt ở hai bên sân miếu khắc tên 10 vị tiến sĩ võ qua ba kỳ thi tổ chức năm Tự Đức 18 (1865), Tự Đức 21 (1868) và Tự Đức 22 (1869). Mười vị tiến sĩ võ ấy là: Võ Văn Đức, Võ Văn Lương, Nguyễn Văn Vận, Phạm Học, Nguyễn Văn Tú, Dương Viết Hiệu, Đỗ Văn Kiệt, Đặng Đức Tuấn, Trần Văn Hiến và Lê Văn Trực.

Bên ngoài tường Võ Miếu còn có nhà Tế Sinh để giết các con vật khi tế lễ (mỗi năm tế hai lần vào tháng 2 và tháng 8 âm lịch). Lễ tế do Võ ban đại thần tổ chức và chủ tế.

Sau khi nhà Nguyễn cáo chung, Võ Miếu bị bỏ phế và dần trở nên hoang tàn. Đến nay, ngoài trừ các tấm bia võ công, bia tiến sĩ võ và 2 đoạn tường ngăn ở phía đông và phía nam, các kiến trúc ở Võ Miếu đều đã bị hủy hoại.

### *1.5. Trung Tiết Công Thần Miếu*

Miếu thờ các vị trung thần thời chúa Nguyễn, dựng năm Minh Mạng 1 (1820) ở bên phải miếu Trung Hưng Công Thần. Quy mô miếu nhỏ hơn miếu Trung Hưng và Khai Quốc, chính đường, tiền đường đều 5 gian, bên trong thờ bài vị của 114 vị tướng trung tiết thời các chúa. Ngày tế ở miếu cùng ngày với ngày tế ở miếu Khai Quốc Công Thần. Nguyên thời Gia Long chưa dựng miếu, mỗi khi tế phải đặt đàn tạm ở bên phải miếu Trung Hưng Công Thần, đầu thời Minh Mạng miếu Trung Tiết mới được xây dựng.

Năm Thành Thái 2 (1890), triều đình cho triệt giải cả ba miếu Trung Hưng, Trung Tiết và Khai Quốc Công Thần rồi dựng lại một tòa miếu để thờ chung tại nền cũ của miếu Trung Hưng Công Thần. Đến nay ngôi miếu này đã bị hỏng hoàn toàn.

### *1.6. Long Châu Miếu*

Miếu thờ những con voi có công với triều Nguyễn, tên thường gọi là điện Voi Ré. Miếu dựng năm 1817 ở địa phận xã Dương Xuân, huyện Hương Thủy (nay thuộc xã Thủy Biều, thành phố Huế) cách Hồ Quyền khoảng 400m về phía tây nam.

Miếu Long Châu có vị trí rất đẹp, tọa lạc trên một ngọn đồi bằng phẳng, trước mặt có hồ nước hình bán nguyệt. Kiến trúc miếu bố trí theo kiểu chữ môn (門) bên ngoài có vòng la thành xây gạch. Điện thờ chính nằm ở trung tâm làm theo kiểu nhà kép, chính đường 3 gian 2 chái, tiền đường làm kiểu vò cua. Trong điện nguyên xưa có 15 bài vị thờ các vị thần bảo hộ binh lính. Trước điện chính, ở hai bên có nhà Đông Vu, Tây Vu kiểu 1 gian 2 chái.

Phía trước nữa có hai am nhỏ xây gạch trong đặt tượng voi chạm khắc bằng đá. Ở trong cùng, sau điện chính có hai gò đất nhỏ, xây thành xung quanh, trước có bia đá đề Ô Long Tượng Mộ (Mộ voi Ô Long). Cổng miếu đặt phía trước, xây kiểu cổ lầu, có giá trị nghệ thuật khá cao.

### *1.7. Tiên Y Miếu*

Miếu thờ Tam Hoàng (Phục Hy, Thần Nông, Hoàng Đế) và các vị danh y của Trung Quốc và Việt Nam.

Nguyên miếu được dựng năm 1825 ở phía đông chùa Thiên Mụ, năm Tự Đức 2 (1849) mới dời đến địa phận phường Thường Dụ ở phía đông bên trong Kinh Thành (gần cổng Lương Y, phường Thuận Lộc, thành phố Huế hiện nay). Khuôn viên rộng chừng 300m<sup>2</sup>, nguyên có tường gạch bao bọc, phía trước trở cửa vòm. Đền chính kiểu nhà rường, chính đường 3 gian 2 chái, tiền đường 5 gian. Ở bên trái có một tòa nhà ngói 3 gian để làm nơi chĩnh đón trang phục và chuẩn bị tế lễ. Lễ tế ở miếu do viện Thái Y đảm trách, mỗi năm hai lần vào tháng trọng xuân và trọng thu.

Năm Thành Thái thứ 15 (1903), triều đình cho làm thêm hai tòa nhà ở bên tả, bên hữu. Thế nhưng sau cơn bão năm Thìn (1904), bài vị các thần phải đưa vào thờ tạm tại Dưỡng Mông Phủ (tiềm đế của vua Đồng Khánh), vị trí này sau trở thành trụ sở của Khâm Thiên Giám. Sau năm 1985, miếu bị phá sập. Năm 1990, nhân dân trong vùng đúc lại 3 khám thờ mái lợp tranh để thờ tạm.

### *1.8. Trung Hưng Công Thần Miếu*

Miếu thờ các vị công thần đầu triều Nguyễn, những người có công lớn trong việc trung hưng triều đại này.

Nguyên miếu dựng tại địa phận hai xã Thiên Lộc và Vi Dạ (tức Vỹ Dạ), huyện Hương Thủy (nay thuộc phường Vỹ Dạ, thành phố Huế) từ năm 1810. Quy mô kiến trúc miếu khá lớn, chính đường, tiền đường đều 7 gian, bên trong thờ đến 272 vị tướng của triều Nguyễn (ban đầu chỉ thờ 258 vị, sau bổ sung thêm 14 vị). Các vị võ tướng tiêu biểu của triều Nguyễn như Tôn Thất Mân, Võ Tánh, Nguyễn Văn Trương, Phạm Văn Nhân, Nguyễn Đức Xuyên, Võ Văn Lượm, Lê Quang Định, Trịnh Hoài Đức, Phạm Đăng Hưng... đều được thờ tại đây.

Lễ tế tại miếu do triều đình tổ chức mỗi năm 2 lần vào mùa xuân và mùa thu (ngày Giáp sau ngày tế xuân xã và thu xã). Quan chủ tế là võ quan mang hàm nhất phẩm. Năm Thành Thái 2 (1890), triều đình gộp chung cả 3 tòa miếu Trung Hưng, Khai Quốc và Trang Tiết Công Thần thành một tòa sau khi giải thể cả ba tòa miếu cũ. Đến nay ngôi miếu chung này cũng đã bị hủy hoại hoàn toàn.

Ngoài các miếu thờ trên, triều Nguyễn còn có các miếu thờ các thần Hà Bá, Phong Bá (Gió), Vũ Sư (Mưa), Hỏa Pháo, Nam Hải Long Vương, miếu Hội Đồng... nhưng quy mô đều nhỏ và nay đều không còn.

## **2. Quần từ**

### *2.1. Hiền Lương Từ*

Đền Hiền Lương là nơi thờ các vị tột hiên của triều Nguyễn. Đền dựng năm Tự Đức 11 (1858) ở phía đông chùa Thiên Mụ (nay thuộc xã Hương Long, thành phố Huế). Bên trong thờ 40 vị lương thần từ triều Gia Long đến hết triều Tự Đức. Các vị tướng tiêu biểu như Trịnh Hoài Đức, Phạm Đăng Hưng, Nguyễn Tri Phương... đều được thờ tại đây. Lễ tế ở đền được tổ chức mỗi năm 2 lần vào tháng 2 và tháng 8 âm lịch. Đền Hiền Lương nay đã hoàn toàn bị hư hỏng.

## 2.2. Trung Nghĩa Từ

Đền Trung Nghĩa là nơi thờ các bề tột trung nghĩa của triều Nguyễn. Đền dựng năm Tự Đức 11 (1858) ở phía đông đền Hiền Lương (nay thuộc xã Hương Long, thành phố Huế). Trong đền ban đầu thờ 464 người, năm Tự Đức 32 (1879) đưa vào thêm 1.540 người nữa. Lễ tế tại đền tổ chức mỗi năm hai lần tựa như ở đền Hiền Lương. Đền Trung Nghĩa nay cũng đã hoàn toàn bị hủy hoại.

## 2.3. Xiển Võ Từ

Còn gọi là miếu Anh Danh Giáo Dưỡng, ở số nhà 118 đường Mai Thúc Loan, thành phố Huế (trong Kinh Thành). Đền dựng năm 1858, gọi là Xiển Vũ [Võ] Từ, đền được trùng tu vào các năm 1922, 1950.

Khuôn viên xưa khá rộng, nhưng nay chỉ còn khoảng 81m<sup>2</sup>, ngôi đền 45m<sup>2</sup> (dài 9m, rộng 5m), 1 gian 2 chái, kèo cột gỗ, gồm 4 trụ giữa tỏa ra 12 trụ biên và 4 trụ hiên, mái lợp ngói liệt. Nội thất bài trí ba án tiền, ba án hậu, sáu án tả hữu tòng tự ở hai đầu hồi và hai án thờ phụ ở hai góc hiên trước.

Ngôi đền có ý nghĩa lịch sử, gắn liền với hệ trường võ bị thế kỷ XIX. Đối tượng được thờ là các danh nhân ngành võ Trung Quốc và Việt Nam. Đây cũng là một di tích thờ bổ trợ của Võ Miếu.

## 2.4. Đền thờ Quan Công

Nguyên đầu triều Nguyễn dựng ở phía đông chùa Thiên Mụ, đến năm 1845, vua Thiệu Trị cho dời về ấp Xuân Lộc cạnh chùa Diệu Đế. Nhà chính kiểu nhà kép, tiền đường, chính đường đều 3 gian. Đây là đền thờ Quan Công chính thức của triều Nguyễn, ngoài ra ở một số chùa, hội quán của người Hoa cũng có thờ ông.

Lễ tế tại đền Quan Công do triều đình tổ chức vào ngày Tỵ, tháng 8 âm lịch hàng năm.

Ngoài các đền thờ trên còn có rất nhiều đền thờ khác (gọi chung là Thần từ) được triều Nguyễn dựng ở các cửa biển, các lăng tẩm vua chúa triều Nguyễn để thờ các vị thần được giao nhiệm vụ trông coi vùng biển, vùng núi đó.

# 3. Đàn tế

## 3.1. Đàn Ân Tự

Đàn Ân Tự là nơi tế vong linh tất cả các quan binh tử trận của triều Nguyễn. Đàn được xây dựng năm 1820 trên nền cũ của đàn Trung Tiết Công Thần.

Mỗi khi tế, trên đàn đặt các án thờ. Án giữa có bài vị đề *Bản triều cần lao vương sự chức quan liệt vị chi linh* (linh hồn các vị quan chức bản triều

vì sự nghiệp của vua). Bên trái, bên phải đều có một bài vị đề *Cần lao vương sự lại tốt chi linh* (linh hồn các thuộc lại và sĩ tốt vì sự nghiệp của vua).

Lễ tế tại đàn Ân Tự được tổ chức mỗi năm hai lần vào mùa xuân và mùa thu. Chủ tế là quan phủ Thừa Thiên.

Đến nay, trải qua thời gian và các biến động lịch sử, đàn đã hoàn toàn mất dấu.

### 3.2. Đàn Sơn Xuyên

Đàn tế các núi lớn, sông lớn của cả nước, xây dựng năm 1852 tại địa phận làng Dương Xuân Thượng, huyện Hương Thủy (nay thuộc phường Phường Đúc, thành phố Huế). Đàn gồm 2 tầng hình vuông, quy chế tương tự đàn Xã Tắc, tầng trên cao hơn 1m, mỗi cạnh dài 22m; tầng dưới mỗi cạnh dài 45m.<sup>(8)</sup> Cả hai tầng chung quanh đều bó vữa bằng gạch đá, bốn phía trở bậc cấp lên xuống, quanh đàn trồng tre vây quanh, ngoài có tường bao bọc. Quanh đàn mở 3 cổng ở mặt trước và hai phía đông, tây, ở ngoài lại xây trụ biểu. Lễ tế tại đàn Sơn Xuyên được tổ chức mỗi năm 2 lần vào tháng 2 và tháng 8 âm lịch.

Hiện nay, di tích này vẫn còn bảo tồn được phần tầng trên và một phần tầng dưới.

### 3.3. Đàn Âm Hồn

Đây là đàn tế vong linh những người đã chết trong vụ “Thất thủ kinh đô” năm 1885. Đàn do triều Thành Thái dựng cuối thế kỷ XIX ở phía tây nam ngoài Hoàng Thành, trong Kinh Thành. Tuy nhiên, đây chỉ là một đàn tế tạm thời, đến nay gần như không còn dấu tích.

## IV. Kết luận

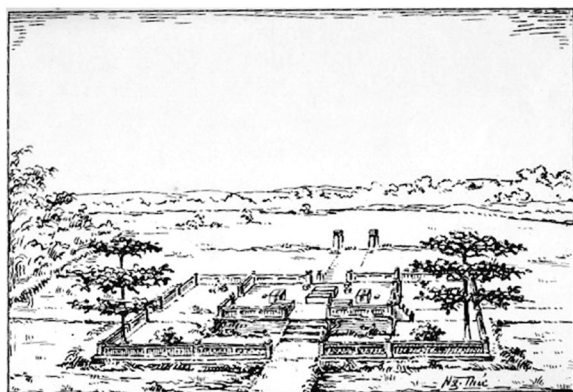


Planche LXX. — Tentre des Génies des Montagnes et des Fleuves : vue cavalière ( Dessin de Nguyễn - Thứ ).

Bản vẽ tổng thể đàn Sơn Xuyên.



Dấu tích đàn Sơn Xuyên hiện nay.

Đàn miếu là một trong những thành tố kiến trúc quan trọng nhất của hệ thống kiến trúc cung đình trong chế độ quân chủ phong kiến phương Đông theo tư tưởng Nho giáo. Dưới triều Nguyễn, hệ thống đàn miếu được phân định theo đẳng cấp và được quy hoạch khá rõ ràng, nhất là đàn miếu thuộc

hàng Đại tự và Trung tự. Việc nghiên cứu hệ thống đàn miếu triều Nguyễn cùng các nghi lễ liên quan chắc chắn sẽ đóng góp tích cực cho công tác tìm hiểu, nghiên cứu về Nho giáo Việt Nam trong lịch sử.

Trên một ý nghĩa khác, việc tìm hiểu nghiên cứu về hệ thống kiến trúc này cũng sẽ đưa lại nhiều gợi ý quan trọng cho việc nghiên cứu về quy hoạch hệ thống kiến trúc cung đình tại kinh đô Thăng Long và các kinh đô khác của Việt Nam trong lịch sử.

P T H

## CHÚ THÍCH

- (1) Trong quy hoạch kinh đô Huế thời Nguyễn, giữa Kinh Thành và các công trình bên ngoài có 3 trục liên kết: Trục trung tâm (Dũng đạo), đó là trục tây bắc-đông nam, hướng từ Kinh Thành đến núi Ngự Bình (bình phong phía trước của kinh đô); trục liên kết giữa Kinh Thành với đàn Nam Giao là trục bắc-nam; và trục liên kết giữa Kinh Thành với miền lăng tẩm phía tây là trục mềm đông-tây (lấy chính sông Hương làm trục liên kết).
- (2) Về các kích thước của đàn Nam Giao, những tư liệu chính của triều Nguyễn như *Đại Nam thực lục*, *Đại Nam nhất thống chí*, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*... đều ghi chép khá rõ. Trong bài chúng tôi sử dụng số đo khảo sát thực tế có đối chiếu với các tư liệu lịch sử.
- (3) Dưới thời Minh và thời Thanh, khi kinh đô đóng tại Bắc Kinh, do cách thức tế lễ là Phân tế nên người ta xây dựng 4 đàn tế ở bốn phía của kinh thành: Phía nam là Thiên Đàn để tế trời (và một số vị thần linh), phía bắc là Địa Đàn để tế đất, phía đông là Nhật Đàn để tế mặt trời, phía tây là Nguyệt Đàn để tế mặt trăng. Hiện nay di chỉ cả 4 đàn tế trên vẫn còn được bảo tồn khá tốt.
- (4) Thời các chúa Nguyễn mở mang, xây dựng Đàng Trong, Văn Miếu được lập lần đầu tiên năm 1691 tại Giáp Tây, làng Triều Sơn. Đến năm 1776, chúa Nguyễn Phúc Thuần cho dời Văn Miếu vào làng Lương Quán, sau lại dời đến làng Long Hồ, trên vị trí Khải Thánh Từ hiện nay.
- (5) Nguyên trước đây, hai dãy bia này nằm ở tầng sân dưới, khoảng năm 1930-1931 mới được đưa lên tầng sân trên.
- (6) Theo truyền thuyết Trung Hoa cổ đại, Thần Nông là người phát minh ra việc cày cấy và có công dạy nông dân làm ruộng. Các triều đại quân chủ ở Trung Quốc và Việt Nam đều coi trọng nông nghiệp nên đều lập đàn Tiên Nông để cúng tế Thần Nông.
- (7) Thời Nguyễn, do húy tên vua Thiệu Trị (Nguyễn Phúc Miên Tông) nên chữ "Tông" đọc thành chữ "Tôn".
- (8) Sách *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc Sử Quán triều Nguyễn cho biết: "Đàn gồm hai tầng: tầng thứ nhất vuông 5 thước 4 thước; cao 2 thước 5 tấc, tầng thứ hai vuông 10 thước 4 thước 4 tấc; xung quanh trồng trúc xanh, mở 3 cửa trước, tả và hữu, ngoài xây trụ biểu", tập 1, Bản dịch của Viện Sử học, Nxb KHXH, Hà Nội, 1969, tr. 172-173.

## TÓM TẮT

Trong quy hoạch tổng thể của kinh đô Huế vào đầu triều Nguyễn, hệ thống đàn miếu đóng một vai trò cực kỳ quan trọng. Theo quan niệm truyền thống của Nho giáo phương Đông, bậc Thiên tử cai trị thiên hạ bao giờ cũng phải: 1) Thờ phụng Trời và Đất (với ý nghĩa là cha mẹ của nhà vua vì vua là Thiên tử); 2) Thờ phụng tổ tiên (những người có công sinh thành và dưỡng dục nhà vua); 3) Thờ phụng các thần linh (những thế lực siêu nhiên bảo vệ và phò giúp nhà vua). Do vậy, mọi triều đại quân chủ đều lưu tâm đến việc xây dựng đàn miếu để

thờ cúng ba loại đối tượng này.

Nhà Nguyễn xếp hạng các nghi lễ cúng tế ở các đàn miếu thành ba bậc, tùy theo tính cách quan trọng: Đại tự, Trung tự và Quần tự.

Trong Kinh Thành Huế, việc xây dựng các đàn miếu tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc của dịch học và phong thủy truyền thống.

Bài viết này kế thừa một cách có chọn lọc và hệ thống hóa các công trình nghiên cứu trước đây, đưa ra một cái nhìn tổng quan về các đàn miếu của triều Nguyễn trong Kinh Thành Huế. Những thông tin thu thập được trong công trình khảo cứu này có thể là những gợi ý bổ ích cho việc tái dựng kinh đô Thăng Long cũng như các kinh đô khác của Việt Nam trong lịch sử.

## **ABSTRACT**

### **THE SYSTEM OF ESPLANADE AND TEMPLE IN HUẾ CAPITAL CITY**

In the total arrangement of Huế capital city under early Nguyễn dynasty, the system of esplanade and temple played an extremely important role. According to the traditional Confucius view in the Orient, emperors must always worship 1) The Sky and Earth (as their parents since they were sons of Heaven), 2) Ancestor (those who gave birth and educated the emperors), and 3) Genies (the supernatural power protecting and supporting the emperors). Therefore, every monarchical dynasty paid attention to building esplanades and temples to worship them after the union.

The Nguyễns classified the worshipping ceremonies in the esplanades and temples into three levels of importance as follows: the great sacrifice, the medium sacrifice and the ordinary sacrifice.

In Huế capital city, the arrangement for the esplanade and temple constructing was carefully prepared basing on the principles of traditional Universal Change and geomancy.

The writing selectively and systematically inheriting the previous research works would like to present generally the system of esplanade and temple of Nguyễn dynasty in Huế capital city. The information of this investigation might be beneficial suggestions for the arrangement to restore Thăng Long capital city as well as other capital of previous capital.